

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ theo dõi, quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện; mức đóng góp và chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh- Giáo dục- Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 57/TTr - SLĐTBXH ngày 02/12/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ theo dõi, quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện; mức đóng góp và chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 39/2013/QĐ-UBND ngày 18/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định mức đóng góp và chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy; chế độ hỗ trợ đối với cán bộ theo dõi, quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Lao động- Thương binh và Xã hội, Tài chính, Y tế, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động- TBXH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp,
- Chi cục Văn thư lưu trữ tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Kon Tum, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đào Xuân Quý

QUY ĐỊNH

Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ theo dõi, quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện; mức đóng góp và chế độ miễn, giảm, hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 25 / 12 /2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định :

- Định mức hỗ trợ và số lượng cán bộ theo dõi, quản lý đối tượng cai nghiện tại gia đình và cộng đồng;
- Mức đóng góp cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm và chế độ miễn, giảm;
- Mức đóng góp cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng và chế độ miễn, giảm, hỗ trợ;
- Chế độ hỗ trợ cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng;
- Đối tượng được miễn, giảm, hỗ trợ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân sử dụng nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy; cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng.

2. Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Người chưa thành niên nghiện ma túy chữa trị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại Trung tâm; người nghiện ma túy chữa trị, cai nghiện tại gia đình và cộng đồng theo Luật phòng, chống ma túy.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

Các nội dung không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày

08/10/2014 của Liên Bộ: Tài chính, Lao động- Thương binh và Xã hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Định mức cán bộ và mức chi hỗ trợ cán bộ theo dõi, quản lý, giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng

1. Định mức số cán bộ thực hiện nhiệm vụ này là 01 cán bộ theo dõi, quản lý, giúp đỡ trực tiếp 04 người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện tại gia đình và cộng đồng. Cứ thêm từ 01- 04 người nghiện ma túy thực hiện cai nghiện thì thêm 01 cán bộ theo dõi, quản lý, giúp đỡ trực tiếp người nghiện ma túy cai nghiện tại gia đình và cộng đồng;

Nhiệm vụ theo dõi, quản lý, giúp đỡ trực tiếp người nghiện ma túy cai nghiện trong thời gian cai nghiện bao gồm theo dõi việc thực hiện kế hoạch cai nghiện của người cai nghiện; phối hợp gia đình người nghiện ma túy theo dõi, quản lý, chăm sóc, giúp đỡ người cai nghiện; vận động người cai nghiện tham gia các hoạt động xã hội để thay đổi hành vi, nhân cách, sớm hòa nhập cộng đồng.

2. Mức chi hỗ trợ cho cán bộ thôn (*hoặc tổ dân phố*) là thành viên của Tổ công tác cai nghiện ma túy xã, phường, thị trấn (*viết tắt là Tổ công tác*) được phân công theo dõi, quản lý, giúp đỡ trực tiếp người nghiện ma túy cai nghiện trong thời gian cai nghiện như sau:

- Xã có phụ cấp khu vực với hệ số 0,2: hỗ trợ 70.000 đồng/người/tháng;
- Xã có phụ cấp khu vực với hệ số 0,3: hỗ trợ 150.000 đồng/người/tháng;
- Xã có phụ cấp khu vực với hệ số 0,4: hỗ trợ 200.000 đồng/người/tháng;
- Xã có phụ cấp khu vực với hệ số 0,5: hỗ trợ 250.000 đồng/người/tháng;
- Xã có phụ cấp khu vực với hệ số 0,7: hỗ trợ 350.000 đồng/người/tháng.

Điều 5. Các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm

1. Các khoản đóng góp và mức đóng góp:

a) Người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm phải đóng góp toàn bộ chi phí trong thời gian ở Trung tâm theo mức chi tại Điều 5 Thông tư Liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, gồm các khoản sau:

- Tiền ăn;
- Thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác;
- Xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác;
- Sinh hoạt văn thể;

- Học văn hoá, học nghề (*nếu bản thân đối tượng có nhu cầu*);
- Điện, nước, vệ sinh;
- Tiền đóng góp xây dựng cơ sở vật chất;
- Phục vụ, quản lý.

b) Riêng các khoản đóng góp cho người cai nghiện bắt buộc trong thời gian chấp hành quyết định xử lý hành chính của Tòa án tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Gia Lai thực hiện theo mức chi của Trung tâm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chế độ miễn, giảm:

Đối với người tự nguyện cai nghiện tại Trung tâm được hưởng chế độ miễn, giảm mức đóng góp một số khoản chi phí chữa trị, cai nghiện nếu thuộc các trường hợp sau:

- Người thuộc diện hộ nghèo, người thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, người khuyết tật: Miễn 100% mức đóng góp các khoản tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác; tiền xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác;

- Người thuộc diện hộ cận nghèo: Giảm 50% mức đóng góp các khoản tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện và thuốc chữa bệnh thông thường khác; tiền xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác.

3. Cơ chế thực hiện miễn, giảm:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chi trả trực tiếp cho Trung tâm nơi người thực hiện chữa trị, cai nghiện tự nguyện các khoản đóng góp mà người thực hiện chữa trị, cai nghiện tự nguyện đủ điều kiện miễn, giảm theo quy định.

Điều 6. Đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng

1. Các khoản chi phí cai nghiện và mức đóng góp của người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng hoặc gia đình của người nghiện ma túy có trách nhiệm đóng góp:

STT	Các khoản chi phí	ĐVT	Mức đóng (đồng)
1	Chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn	đồng/người/lần chấp hành quyết định	280.000
2	Tiền thuốc hỗ trợ cắt cơn nghiện	đồng/người/lần chấp hành quyết định	700.000

3	Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại cơ sở điều trị cắt cơn	đồng/người/ngày	40.000
4	Hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có)		
-	Hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi, nhân cách	đồng/người/buổi tư vấn	50.000
-	Học sơ cấp nghề	đồng/người/khóa	3.000.000

2. Chế độ miễn, giảm đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng

- Đối với người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật: Miễn 100% mức đóng góp các khoản chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn;

- Đối với người thuộc hộ cận nghèo: Giảm 50% mức đóng góp các khoản chi phí khám sức khỏe; xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn.

3. Chế độ hỗ trợ đối với người nghiện ma túy cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng:

Đối với người thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ các khoản sau:

- Tiền thuốc hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện ma túy: 700.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định;

- Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung: mức 40.000 đồng/người/ngày, thời gian tối đa không quá 15 ngày.

Điều 7. Đối với người nghiện ma túy cai nghiện tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

Người nghiện ma túy cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc hộ nghèo, gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, người chưa thành niên, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người khuyết tật được hỗ trợ một lần tiền thuốc điều trị cắt cơn nghiện ma túy mức 700.000 đồng/người/lần chấp hành quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan quản lý

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm giám sát, hướng dẫn UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan thực hiện quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý sử dụng kinh phí thực hiện chi hỗ trợ, miễn, giảm chi phí chữa trị, cai nghiện cho các đối tượng nghiện ma túy theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Công an tỉnh hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã có người nghiện ma túy thành lập Tổ công tác cai nghiện ma túy theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BCA ngày 10/02/2012 của Liên Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội - Y tế - Công an về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

Điều 9. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đào Xuân Quý